

NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Trí Lý.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Y Nik Ê Ban và ông Lê Khắc Dũng.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hải Lý – C/v: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.
- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Tất Tại - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 03/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2019/HSST, ngày 13 tháng 07 năm 2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36a/2019/QĐXXST-HS, ngày 19 tháng 09 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Hải M - Sinh năm 1992; tại: M, Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 1A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Bác sỹ thu ý; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Lê Văn M, sinh năm 1963 và con bà: Ngô Thị P, sinh năm: 1962, hiện đang cư trú tại thôn 3, xã L, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/5/2019 đến ngày 06/6/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Ninh Văn P - Sinh năm 1993, tại: P, Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 20, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Ninh Xuân P, sinh năm: 1967 và con bà: Phạm Thị B, sinh năm: 1968, hiện đang sinh sống tại tổ dân phố 20, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai;

Nhân thân: Ngày 30/9/2017, có hành vi đánh bạc bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk ra quyết định xử phạt hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/5/2019 đến ngày 06/6/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang được tại ngoại. (có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: Nguyễn Đức T - Sinh năm 1992 tại: Buôn Đ, Đắk Lắk; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 18A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Bác sỹ thú y; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Nguyễn Minh T, sinh năm 1962 và con bà: Trần Thị P, sinh năm: 1963, hiện đang cư trú tại thôn 18A, xã B, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo có vợ Lê Thị Hàn N, sinh năm: 1994, hiện nay cư trú tại thôn 18A, xã B, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/5/2019 đến ngày 06/6/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang được tại ngoại.(có mặt tại phiên tòa)

4. Họ và tên: Lê Đức A - Sinh năm 1985; tại: N, Nghệ An; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 9, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Lê Hồng C, sinh năm: 1956 và con bà: Hồ Thị H, sinh năm: 1958, hiện đang sinh sống tại Thôn 9, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là Trần Thị Hồng H, sinh năm: 1990, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018, hiện nay cư trú tại thôn 9, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/5/2019 đến ngày 06/6/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang được tại ngoại.(có mặt tại phiên tòa)

5. Họ và tên: Trần Hữu K - Sinh năm 1989 tại: E, Đắk Lắk; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 9, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án, tiền sự: Không; con ông: Trần Ngọc K, sinh năm: 1956, con bà: Mai Thị N, sinh năm: 1958, hiện đang sinh sống tại Thôn 9, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ: Phan Thị Minh H, sinh năm: 1990, hiện nay cư trú tại thôn 9, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/5/2019 đến ngày 06/6/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang được tại ngoại.(có mặt tại phiên tòa)

6. Họ và tên: Trương Tuấn A - Sinh năm 1987, tại: Thạch H, Hà Tĩnh; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 2A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Nhân viên bán hàng; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Trương Quang D, sinh năm 1959, con bà: Nguyễn Thị V, sinh năm 1967, hiện đang cư trú tại thôn 8, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ: Lê Thị Huyền T, sinh năm: 1992, có 01 con sinh năm 2017, hiện nay cư trú tại tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/5/2019 đến ngày 06/6/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang được tại ngoại.(có mặt tại phiên tòa)

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Thanh K, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 03 đường Phạm Ngũ Lão, Tổ dân phố 2A, TT. K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

*** Người làm chứng:**

1. Ông Văn Hữu Q, sinh năm 1984. Địa chỉ: thôn Phước Hòa 4, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

2. Ông Lâm Huy B. Địa chỉ: Số 03 đường Phạm Ngũ Lão, Tổ dân phố 2A, TT. K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 15 giờ, ngày 31/5/2019, Trương Tuấn A, Nguyễn Đức T, Lê Hải M, Lê Đức A, Trần Hữu K, Ninh Văn P và Văn Hữu Q ngồi uống cà phê tại quán cà phê Gim ở tổ dân phố 2B, thị trấn K, huyện K. Trong lúc ngồi uống cà phê Tuấn A, T, M, Đức A, K và P rủ nhau về phòng trọ số 2 (do người tên Lâm Huy B thuê của ông Trần Thanh K) ở tổ dân phố 2A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để đánh bạc. Trên đường đi về, M vào quán tạp hoá mua 01 bộ bài tú lơ khơ. Khi về đến phòng trọ số 2, Tuấn A, T, M, Đức A, K, P tự mở cửa vào phòng và ngồi xuống nên nhà đánh bạc, bằng hình thức đánh liêng. Mỗi ván các con bạc phải đặt tiền là 20.000đ, tổ theo vòng, mỗi lần tổ không được quá 200.000đ. Lúc tham gia đánh bạc Tuấn A bỏ ra số tiền 1.050.000đ, T bỏ ra số tiền 1.100.000đ, M bỏ ra số tiền 1.050.000đ, Đức A bỏ ra số tiền 1.100.000đ, K bỏ ra số tiền 1.100.000đ và P bỏ ra số tiền 1.070.000đ để đánh bạc. Đến khoảng 16 giờ 50 phút cùng ngày, khi các bị cáo đang đánh bạc bị lực lượng Công an huyện EaKar bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 6.470.000đ và 01 bộ bài tú lơ khơ.

Tại bản cáo trạng số39/QĐ-VKS, ngày 22/08/2019, của Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố và lời khai tại cơ quan điều tra có lưu trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar sau khi đánh giá tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lê Hải M, Trương Tuấn A, Nguyễn Đức T, Lê Đức A, Trần Hữu K và Ninh Văn P phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hải M từ 08 đến 11 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16 đến 22 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ninh Văn P 03 (Ba) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 31/05/2019 đến ngày 06/06/2019 là 07 ngày bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Ninh Văn P còn phải chấp hành 02 (Hai) năm 11 (mười một) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo P có điều kiện hoàn cảnh khó khăn, nên miễn khấu trừ thu nhập.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo Trương Tuấn A, Nguyễn Đức T, Lê Đức A, Trần Hữu K mỗi bị cáo từ 07 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách của mỗi bị cáo từ 14 đến 20 tháng.

Các biện pháp tư pháp:

-Về xử lý vật chứng:Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá đã qua sử dụng và tịch thu sung quỹ nhà nước 6.470.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/08/2019 và theo biên lai thu số AA/2013/16012, ngày 23 tháng 08 năm 2019.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar và không tranh luận.

Tại phiên lời nói sau cùng 06 (sáu) bị cáo đều tỏ thái độ ăn năn và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được traA tưng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các lời khai, các chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 15 giờ, ngày 31/5/2019, tại phòng trọ số 2 của gia đình ông Trần Thanh K, thuộc tổ dân phố 2A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo Trương Tuấn A, Nguyễn Đức T, Lê Hải M, Lê Đức A, Trần Hữu K, Ninh Văn P đã cùng nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh liêng. Mỗi ván các con bạc phải đặt tiền là 20.000đ, tổ theo vòng, mỗi lần tổ không được quá 200.000đ. Bị cáo Tuấn A bỏ ra số tiền 1.050.000đ, T bỏ ra số tiền 1.100.000đ, M bỏ ra số tiền 1.050.000đ, Đức A bỏ ra số tiền 1.100.000đ, K bỏ ra số tiền 1.100.000đ và P bỏ ra số tiền 1.070.000đ để đánh bạc. Đến khoảng 16 giờ 50 Pt cùng ngày, các bị cáo bị lực lượng Công an huyện EaKar bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 6.470.000đ, 01 bộ bài tú lơ khơ, nhưng không thể xác định được số lượng tiền của mỗi bị cáo thắng, thua.Hành vi củacác bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội danh, hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] - Xét về chủ thể, khách thể của tội phạm: Các bị cáo đều là những người trên mười tám tuổi, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để biết được rằng hành vi đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền là trái pháp luật, xâm hại đến trật tự quản lý công cộng của nhà nước. Tuy nhiên, với ý thức xem thường pháp luật, vì mục đích tư lợi cá nhân, nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

- Xét về tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra: Đây là vụ án có tính đồng phạm giản đơn, các bị cáo tự phát cùng nhau khởi xướng việc đánh bạc, tất cả các bị cáo đều là người thực hành, số tiền của các bị cáo bỏ ra đánh bạc không lớn, tổng thu trên chiếu bạc là 6.470.000 đồng. Do đó, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là ít nguy hiểm cho xã hội. Tuy nhiên, trong vụ án mỗi bị cáo thực hiện hành vi có mức độ khác nhau nên cũng cần phân hóa để lượng hình.

Đối với bị cáo Ninh Văn P trước đó, ngày 30/07/2017 đã bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi “đánh bạc”, mặc dù đã chấp hành xong, cũng đã được xóa tiền sự nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục đánh bạc. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt sao cho tương xứng với tính chất mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Hải M ngoài việc bị cáo bỏ ra số tiền 1.050.000 đồng để đánh bạc, bị cáo còn là người trực tiếp mua 01 bộ bài tú lơ khơ để phục vụ cho việc đánh bạc, nên hành vi của bị cáo có phần nguy hiểm hơn, nên cần áp dụng mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo Trương Tuấn A, Nguyễn Đức T, Lê Đức A, Trần Hữu K,

[4] Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Hải M, Trương Tuấn A, Nguyễn Đức T, Lê Đức A, Trần Hữu K là những người có nhân thân tốt; sau khi phạm tội tất cả các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được áp dụng để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, thấy rằng các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú ổn định, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho các bị cáo Lê Hải M, Trương Tuấn A, Nguyễn Đức T, Lê Đức A, Trần Hữu K được hưởng án treo, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Ninh Văn P, đồng thời giao các bị cáo về cho chính quyền địa phương, kết hợp cùng với gia đình quản lý, cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

Xét về khẩu trừ thu nhập: Bị cáo Ninh Văn P thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ. Do đó, miễn khẩu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ.

Đối với căn phòng dùng vào việc phạm tội là thuộc quyền sở hữu của gia đình ông Trần Thanh K. Ông K không biết các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên không có cơ sở để xử lý.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá đã qua sử dụng và tịch thu sung quỹ nhà nước 6.470.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/08/2019 và theo biên lai thu số AA/2013/16012, ngày 23 tháng 08 năm 2019.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Hải M, Trương Tuấn A, Nguyễn Đức T, Lê Đức A, Trần Hữu K và Ninh Văn P phạm tội “Đánh Bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Lê Hải M 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 6 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Ninh Văn P 03 (Ba) năm cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/05/2019 đến ngày 06/06/2019 là 07 ngày bằng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Ninh Văn P còn phải chấp hành hình phạt 02 (Hai) năm 11 (Mười một) tháng 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

Giao bị cáo Ninh Văn P về cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn P trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trương Tuấn A, Nguyễn Đức T, Lê Đức A, Trần Hữu K mỗi bị cáo 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách mỗi bị cáo là 01 (một) năm 4 (bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Hải M về cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T về cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Đức A về cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Hữu K về cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trương Tuấn A về cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo Lê Hải M, Trương Tuấn A, Nguyễn Đức T, Lê Đức A, Trần Hữu K có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá đã qua sử dụng và tịch thu sung quỹ nhà nước 6.470.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/08/2019 và theo biên lai thu số AA/2013/16012, ngày 23 tháng 08 năm 2019.

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Hải M, Trương Tuấn A, Nguyễn Đức T, Lê Đức A, Trần Hữu K mỗi người phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Ninh Văn P thuộc hộ cận nghèo, nên được miễn tiền án phí.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 – TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Công an huyện EaKar;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Các bị cáo; Người liên quan;
- UBND nơi giao các bị cáo;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Trí Lý

